TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thời kỳ Hậu Hùng Vương và vai trò của dòng họ Lê qua thư tịch cổ và di tích ở Hạ Mao

ISSN: 2734-9195 14:28 11/06/2026

"Cội nguồn" của tộc tính họ Lê tại Việt Nam: Nhân vật Lê Chàng Ánh (Hùng Ánh) là một mắt xích lịch sử đặc biệt. Việc Vua Hùng ban họ Lê cho ông không chỉ xác lập một dòng họ mà cho thấy họ Lê tại vùng đất này có nguồn gốc hoàng tộc.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Theo sách Đại Việt sử ký toàn thư, lịch sử nước ta bắt đầu từ Kinh Dương Vương làm vua đầu tiên, là con của Đế Minh, cháu ba đời của Viêm Đế Thần Nông. Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Sau Đế Minh đi tuần phương Nam, lấy con gái của Vụ Tiên mà sinh ra Kinh Dương. Đế Nghi được trị vì phương Bắc, Kinh Dương trị vì phương Nam. Nước của Kinh Dương gọi là Xích Quỷ.

Kinh Dương lấy con gái của Động Đình Quân tên là Thần Long rồi sinh ra **Lạc Long Quân**. Lạc Long Quân tên húy là Sùng Lãm, lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra một bọc trăm trứng nở ra một trăm người con trai là Tổ của Bách Việt, Do vậy mà người Việt coi nhau như cùng một bọc đồng bào.

Một hôm, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: "*Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, khó lòng đoàn tụ*". Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về miền Nam. Người con trưởng được nối ngôi vua cha, được gọi là Hùng Vương. Từ truyền văn này mà người Việt thường tự hào mình thuộc dòng giống Tiên, Rồng cao quý.

Hùng Vương lên ngôi vua lập nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc tỉnh Phú Thọ).

Cương vực của nước Văn Lang phía bắc đến hồ Động Đình, phía nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Đông đến Nam hải, phía tây đến nước Ba Thục. Nước Văn Lang được chia làm 15 bộ: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức(1). Bộ Văn Lang là nơi vua đóng đô. (Tên 15 bộ của

nước Văn Lang, một số sách khác như Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lĩnh Nam chích quái... chép có sự khác nhau).



Tượng Hùng Vương. Ảnh sưu tầm.

Bộ máy cai trị gồm: tướng văn là Lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng, con trai vua gọi là Quan lang, con gái gọi là Mỵ nương. Quan coi việc gọi là Bố chính, đời đời cha truyền con nối gọi là Phụ đạo. Các vua truyền 18 đời đều gọi Hùng Vương.

Năm 1272, Lê Văn Hưu soạn xong bộ **Đại Việt sử ký** - gồm 30 quyển, chép sự kiện từ Triệu Vũ Đế (Triệu Đà) đến Lý Chiêu Hoàng, nhưng sách nay đã mất. Sử thần Phan Phu Tiên viết Sử ký tục biên - chép từ Trần Thái Tông (1225 - 1258) đến khi quân Minh rút về nước năm 1427.

Ngô Sĩ Liên được giao biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Năm 1479, sách làm xong được dâng lên vua Lê Thánh Tông (1640 - 1497). Trong phàm lệ về việc biên soạn bộ sách cho biết: "*Sách này (ĐVSKTT) làm ra, gốc ở hai bộ Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên, tham khảo với Bắc sử, dã sử, các bản truyện chí và những việc nghe thấy truyền lại, rồi khảo đính biên chép mà thành*" (2).

Trong Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên thêm vào kỷ họ Hồng Bàng và kỷ nhà Thục ở phần ngoại kỷ. Đây là bộ Quốc sử đầu tiên chính thức đưa Hùng Vương mở đầu cho lịch sử dân tộc. Lời tựa có ghi: "*Nước Đại Việt ta ở phía nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã chia vạch Nam Bắc; thủy tổ ta ra tự con cháu Thần Nông thị,*

thế là trời đã sinh ra chân chúa. Vì thế mới cùng với Bắc triều đều làm chủ một phương"(3).

Ngoại kỷ Hồng Bàng tính từ Kinh Dương Vương cùng thời với Đế Nghi ở phương Bắc năm Mậu Tuất (2879 TCN). truyền đến cuối đời Hùng Vương, ngang với Chu Noãn Vương năm thứ 57 là năm 258 TCN, cộng được 2.622 năm (2879 - 258).

Thời đại Hùng Vương là một thời kỳ có thật trong lịch sử dân tộc; không những được phản ánh trong truyền thuyết, thư tịch cổ mà trong hàng loạt các di tích khảo cổ mà diễn tiến của quá trình đó có tính kế thừa liên tục.

Thời đại Hùng Vương mà sử thành văn đã chép có niên đại khoảng từ cuối thiên niên kỷ thứ III TCN đến thế kỷ thứ III TCN. Tương ứng với khoảng thời gian này là sự tồn tại của thời đại đồng thau mà khảo cổ học đã phát hiện ra các nền Văn hóa Phùng Nguyên đến Đông Sơn. Chính trên nền tảng của Văn hóa Đông Sơn đã hình thành nên Nhà nước sơ khai - Nhà nước Văn Lang.

Kinh đô Văn Lang hay trung tâm chính trị - văn hóa của Văn Lang, theo sử cũ: "*Hùng Vương là con trai của Lạc Long Quân (không rõ tên húy), đóng đô ở Châu Phong*"(4) (nay gần Bạch Hạc - Việt Trì).

Vào đời Hùng Vương thứ 18, sử sách chép truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh. Hùng Vương kén rể cho con gái là Mỵ Nương. Sơn Tinh mang lễ vật đến trước nên đã đón được Mỵ Nương về núi Tản Viên, Thủy Tinh chậm chân đến sau không lấy được Mỵ Nương bèn tức giận dâng nước tràn ngập, đem các loài thủy quái đuổi đánh Sơn Tinh. Sơn Tinh dâng núi lên cao đánh bại Thủy Tinh. Nhưng Thủy Tinh vẫn chưa chịu thua. Hàng năm vẫn dâng nước vào mùa mưa đánh Sơn Tinh để báo thù.

Thục Vương cũng muốn cưới Mỵ Nương, nhưng bị can ngăn, từ chối. Không lấy được Mỵ Nương, Thục Vương căm giận dặn lại con cháu nhất định phải kiêm tính Văn Lang. Đến đời cháu là Thục Phán dũng lược đã chiếm được Văn Lang, dựng nước Âu Lạc.

Thời kỳ Hùng Vương luôn được xem là giai đoạn hình thành nền tảng quốc gia và văn hóa dân tộc. Tuy nhiên do khoảng cách thời gian quá xa và tư liệu chính sử hạn chế, nhiều chi tiết, sự kiện về giai đoạn cuối thời Hùng Vương - thường gọi là thời kỳ Hậu Hùng Vương - vẫn còn nhiều khoảng trống cần được nghiên cứu, đối chiếu và giải mã. Trong số đó, thần tích làng Hạ Mạo (nay thuộc phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ) và ngọc phả làng Mạo Phổ, xã Lương Lỗ, huyện Thanh Ba (cũ), nay thuộc xã Liên Minh, tỉnh Phú Thọ ghi lại câu chuyện liên quan đến nhân vật Quan Chàng Ánh (tức Lê Hùng Ánh) - một nhân vật có vai

trò đặc biệt trong bối cảnh lịch sử cuối thời Hùng Vương.



Cụm di tích đình/đền Mạo Phổ (Phú Thọ). Ảnh sưu tầm.

Đình Hạ Mạo và Khu di tích đình đền Mạo Phổ là hai cụm di tích lịch sử - văn hóa quan trọng tại tỉnh Phú Thọ, gắn liền với di tích thờ cúng thời Hùng Vương và các nhân vật lịch sử có công với đất nước.

Làng Mạo Phổ thờ vị Thánh Mẫu Duyên Hòa. Theo Ngọc phả, bà là vợ của Hùng Vương thứ 17. Một đêm bà nằm mộng thấy một con chim phượng ngậm một chiếc bút ngọc bay đến trong tiếng sấm nổ vang rền. Từ đó bà có mang. Khi sắp sinh, bà lại nằm mơ gặp một lão tiên đến ban cho một chiếc rọ có 5 con cá chép hồng. Bà chọn được 3 con cá. Sau đó bà sinh được ba người con trai tướng mạo dị thường, thông minh, tài trí. Ba người con khi lớn lên đã cùng Tản Viên Sơn Thánh giúp vua vùng đánh giặc Thục, rồi về hóa ở quê mẹ bên bờ sông Thao.

Ngọc phả tại Mạo Phổ là nguồn tư liệu đặc biệt quan trọng minh chứng cho lịch sử giai đoạn Hùng Vương và sự hình thành tộc tính họ Lê. Theo Ngọc phả, di tích thờ phụng là: Thánh Mẫu Duyên Hòa, thứ phi của Hùng Vương thứ 17. Bà là người có công đức lớn, sinh hạ các vị vương tử giúp vua trị quốc. Tam vị Đại vương gồm ba người con của Thánh Mẫu là Bút Công (Đệ nhất Quan lang), Lôi Công (Đệ nhị Quan lang) và Mao Công (Đệ tam Quan lang). Ngọc phả ghi các vị Đại vương này là những tướng tài có công đánh giặc Thục giữ nước, đồng thời là những người có công chiêu dân lập ấp, dựng nên một vùng đất trù phú, đắc địa, nơi có sông Thao cuộn khúc giang loan, long mạch dẫn tụ về mà hình thành khu

quần cư Mạo Phổ - Hạ Mạo ngày nay.



Bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá đình/đền Mạo Phổ (Phú Thọ). Ảnh sưu tầm.

Cách làng Mạo Phổ là làng Hạ Mạo (nay thuộc phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ) có thần tích kể về 5 vị thành hoàng cùng tên với làng Mạo Phổ. Nhưng khác với ngọc phả Mạo Phổ do Hàn lâm đại học sĩ Nguyễn Bính biên soạn, thần tích của làng Hạ Mạo là một dạng ghi chép của gia tộc họ Lê tại đây về các vị thành hoàng cũng là vị tổ họ đã lập trang ấp tại Hạ Mạo.

Thần tích làng Hạ Mạo là bản thần tích cổ hiện được lưu giữ tại địa phương. Bản này ngoài việc ghi thần tích của các vị thành hoàng được thờ còn sao ghi các sự kiện khác liên quan đến như các lần hiển ứng, văn tế do thần linh đọc, các triều đại có sắc phong và nội dung cụ thể của từng sắc phong.

Thần tích làng Hạ Mạo được ghi chép qua các đời bởi các đích tử họ Lê ở Hạ Mạo. Lần sao chép cuối cùng là vào ngày 1 tháng 8 năm Tự Đức thứ 19 (1866), là niên đại của bản Thần tích xã Hạ Mạo hiện nay (5).

Thần tích của họ Lê ở Hạ Mạo kể rằng: Xưa Hùng Vương đời thứ 17 là Hùng Huy Vương sinh người con trai thứ tên là Hùng Ánh, thiên tư dũng lược, diện mạo lạ thường, thông minh nhanh hiểu biết, vượt trội hơn người. Huy Vương yêu quý muốn lập làm người nối ngôi. Chàng Ánh cố gắng nhường cho anh. Khi ấy phong tục còn chất phác. Các con vua đều gọi là quan chàng, cho nên có tên là quan Chàng Ánh. Đến khi Duệ Vương nối ngôi, phong Chàng Ánh làm Vương tử, ban

cho họ Lê.

Khi giặc Thục đến xâm lăng, Chàng Ánh chỉ huy quân binh, có công chống giặc Thục. Từ đó Chàng Ánh nắm quyền triều chính (...). Sau giặc Thục đánh Duệ Vương, thế nước nhà Hùng mất. Chàng Ánh rất ân hận mới luyện binh tuyển tướng, cẩn thận giữ gìn cương giới, bèn tự xưng là Hậu Hùng Vương, không thần phục An Dương Vương. Xưng là nước Việt Tây, nay là Quảng Tây.

Chi tiết Chàng Ánh được phong ban họ Lê, chiếm giữ đất Quảng Tây là một minh chứng rằng các dòng họ nước ta đã có từ thời Hùng Vương. Việc ban họ gắn liền với phong đất và quyền thế tập cha truyền con nối. Đây chính là khái niệm chế độ "*phong kiến*", tức là phong tước và kiến địa.

Lê Hùng Ánh là vị tổ họ Lê sớm nhất được biết đến trong thư tịch cho tới nay.

Thần tích Hạ Mạo kể tiếp: Vợ Vương là con gái Đông Chu Quân có mang 3 năm, sinh một bầu năm con trai, đến khi trưởng thành có tướng mạo khác thường. Hùng Vương Chàng Ánh rất vui mừng, nhân theo cổ tục khi đó đặt là Chàng Cả, Chàng Hai, Chàng Ba, Chàng Tư, Chàng Út mà gọi.

Vào cuối thời Chu, đất nhà Chu chia làm 2 vùng là Tây Chu và Đông Chu. Vị vua Chu cuối cùng là Chu Noãn Vương đã bị Tần Chiêu Tương Vương diệt ở đất Tây Chu năm 256 TCN. Đất Đông Chu khi đó trở thành nơi nương náu của các quý tộc nhà Chu và được cai quản bởi một vị hoàng tộc Chu gọi là Đông Chu Quân.

Thông tin Hậu Hùng Vương lấy con gái Đông Chu Quân khi so sánh với ngọc phả làng Mạo Phổ thì tương ứng với việc Thánh mẫu Duyên Hòa nằm mộng thấy điềm chim phượng ngậm bút ngọc bay tới trong tiếng sấm nổ, sinh ra 3 người con đặt tên là Bút Lôi Mao. Chim phượng là biểu tượng cho dòng Tiên theo mẹ Âu Cơ lên núi, cũng tương đương với nhà Chu vì khi Chu Văn Vương khởi nghiệp đã thấy điềm chim phượng hoàng năm sắc đậu ở ngọn núi Kỳ Sơn mà gáy báo tin.

Hình ảnh lông phượng mang hàm nghĩa những người con là dòng dõi của mẹ Âu Cơ hay của nhà Chu. Tiếng sấm tượng trưng cho quẻ Chấn trong trong Hâu thiên bát quái, là quẻ chỉ hướng Đông. Còn chiếc Bút tượng trưng cho nét "*Văn*". Tên gọi Bút Lôi Mao có thể được giải nghĩa là dòng dõi của Đông Chu Văn Quân, vị quân chủ đã quản lý vùng đất Đông Chu chống lại quân Tần. Vì quân Tần đến từ vùng đất Thục nên truyền thuyết Việt gọi đó là giặc Thục.

Hậu Hùng Vương là chủ đất Việt Tây, lấy vợ là con gái của Đông Chu Quân, đã không thần phục nhà Thục mà tự mình lập nước riêng, xưng là Việt Tây quốc vương. So sánh với chính sử thì việc Hùng Ánh lập quốc ở Quảng Tây tương ứng

với việc họ Triệu chiếm đất Tần xưng là Vũ Vương. Cái tên Lôi Mao cũng tương ứng với hình ảnh những chiến binh đội lông chim (Mao) trên mặt trống đồng, là loại trống còn gọi là trống sấm (Lôi), gặp phổ biến nhất ở vùng Bắc Việt và Quảng Tây. Lông chim cũng là họa tiết trang trí phổ biến trên mặt các trống đồng của thời kỳ Đông Sơn.



Trống đồng Đông Sơn. Ảnh sưu tầm.

Thần tích Hạ Mạo kể tiếp: Gặp lúc có tướng Tần Triệu Đà dẫn quân chiếm phương Nam, Hùng Vương (tức là Chàng Ánh) bèn lệnh Chàng Út dẫn ba ngàn quân giúp Triệu Đà đánh Thục chiếm nước thành công. Triệu Đà lên ngôi là Vũ Đế, nhưng vẫn cắt đất Quảng Tây cho Việt.

Vì Chàng Út có công nên 4 người anh nhường cho em, bỏ đi ẩn ở vùng sông cuộn núi dừng bên sông Thao. Hùng Vương băng hà, Chàng Út kế vị, xưng là Việt Tây Út Ngọ Lôi Mao Đại vương. Vũ Đế cho lệnh sách phong. Ba năm tang lễ xong, Vương cho hoàng hậu họ Triệu giám quản đất nước, còn tự thân đi cầu tìm bốn người anh.

Triệu Vũ Đế trong thần tích này không phải là Vũ Vương lập quốc ở Quảng Tây mà là người đã diệt nhà Tần lên ngôi Đế. Vị Hoàng đế của thiên hạ này có sách phong cho Chàng Út làm Vương ở đất Việt Tây.



Trống đồng Đông Sơn. hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

Từ thần tích Hạ Mạo, thông tin cho biết là:

Hùng Vương thứ 18 là dòng Tiên Phượng theo mẹ Âu Cơ lên núi lập nước Văn Lang, tương ứng với vị vua Chu cuối cùng là Chu Noãn Vương.

Giặc Thục tấn công và diệt Hùng Vương là nước Tần (quân Tần đến từ đất Thục như trên đã nói). Một chư hầu của của Hùng Vương mang họ Lê không thần phục Tần đã cát cứ đất Quảng Tây mà xưng vương. Đây là vị Vũ Vương, tức là vị vua đầu tiên của nước Nam Việt. Vũ Vương có người vợ là con gái của Đông Chu Văn Quân, dòng dõi nhà Chu.

Khi Triệu Đà khởi nghĩa chống Tần, Vũ Vương cử quân tới giúp Triệu Đà định được thiên hạ. Triệu Đà lên ngôi Hoàng đế, xưng là Triệu Vũ Đế phong cho Vũ Vương (họ Lê) làm vua đất Việt Tây như một chư hầu.

Con Út của Vũ Vương họ Lê là người có công trong việc diệt Tần lập quốc, được Triệu Vũ Đế gả con gái cho, là Triệu hậu. Út Ngọ Lôi Mao lên nối ngôi cha ở Quảng Tây tức là Triệu Văn Vương trong lịch sử. Họ Triệu của nước Nam Việt lấy theo họ bên ngoại (theo Triệu Vũ Đế) từ đây.

Thần tích Hạ Mạo viết tiếp: Được mười năm hoàng hậu họ Triệu sinh được con trai là Chàng Uyên, thông minh sáng suốt (...). Sau khi Chàng Út cùng 4 anh em hóa, Chàng Uyên tiếp ngôi, hiệu xưng là Minh Vương. Khi Hán bình định Nam

Việt cùng với Việt Tây, Minh Vương thất thủ mà chết. Con trưởng tên là Hùng Tuấn với Vương hậu cùng chết theo. Con trai thứ Hùng Hòa không chịu nhục, cõng thi thể của cha chạy về chôn ở núi Toàn Dương. Sau ba năm chôn cất xong, dẫn con cái đến thôn Thượng Minh cùng với nhân dân bốn họ cùng sống. Nhưng vì tránh tên Minh Vương nên đã đổi thành xã Hạ Mạo, đổi thôn thành xã từ đó. Bởi vậy cho tu sửa lầu đãi tiệc thành miếu thờ năm vương, hàng tháng ngày rằm mồng một đều có lễ dâng.

Người nối ngôi Triệu Văn Vương ở nước Nam Việt theo Sử ký Tư Mã Thiên đúng là Triệu Minh Vương. Người con đầu của Minh Vương là Triệu Ai Vương đã cùng mẹ là Cù Hậu bị chết khi nhà Tây Hán tấn công Nam Việt. Ai Vương như thế tương ứng với tên Hùng Tuấn trong thần tích Hạ Mạo. Còn người con thứ của Minh Vương đã chạy về vùng Phong Châu, Phú Thọ là Triệu Vệ Tương Dương, tương ứng trong thần tích gọi là Hùng Hòa.

Tộc tích họ Lê ở Hạ Mạo đã ghi lại đầy đủ thông tin nguồn gốc về nhà Triệu nước Nam Việt. Đó là từ Triệu Vũ Vương họ Lê và vợ là con gái Đông Chu Quân xưng vương ở Quảng Tây. Tiếp nối là Văn Vương lấy vợ là con gái Triệu Đế nên từ đó dùng chữ Triệu để đặt tên triều đại. Triệu Minh Vương nối ngôi, tới Triệu Ai Vương thì bị nhà Tây Hán tấn công, giết chết. Triệu Vệ Dương Vương đem thân tộc gia quyến chạy về quê gốc ở vùng Phong Châu, ẩn cư lấy lại họ Lê. Từ đó chiêu dân lập ấp, hình thành trang ấp ở khu vực sau này là thị xã Phú Thọ (cũ). Họ tộc này cùng 4 họ gia thần khác lập đền thờ Mẫu tổ là bà Duyên Hòa ở làng Mạo Phổ và đền đình thờ các đại vương tổ họ Lê làm thành hoàng ở hai làng Mạo Phổ và Hạ Mạo.

Bản thần tích họ Lê tại làng Hạ Mạo được coi là một "*báu vật*" lịch sử, vì đây là một trong số ít tài liệu cổ ghi chép chi tiết về sự hình thành của một dòng họ gắn liền với thời đại Hùng Vương.

Hiện tại đình Hạ Mạo có những câu đối còn ghi lại câu chuyện thời Hậu Hùng Vương này:

Câu đối ở tiền tế:

"*Ngũ vị đại vương, hộ quốc an dân thiên cổ lụy*

Ngũ tộc nguyên tổ, sinh phù tử trợ bách gia trang."

Dịch nghĩa:

"*Năm vị đại vương, giúp nước yên dân ngàn năm ngợi*

Năm họ nguyên tổ, phò sinh đỡ mất trăm xóm nhà."

Câu đối ở hậu cung:

"*Hùng Lạc kỷ truyền lai, diệt Thục bình Ngô minh tại sử*

Việt Tây tương tốn hậu, long tường sơn tráng mạc thành trang."

Dịch nghĩa:

"*Hùng Lạc ký truyền nay, diệt Thục bình Ngô rạng ở sử*

Việt Tây cùng nhường đó, điềm rồng thế núi bãi thành trang."

Còn tại làng Mạo Phổ, theo lịch sử di tích được lưu giữ lại, đình và đền Mạo Phổ được xây dựng từ thời Hậu Lê với quy mô kiến trúc chia làm hai phần: Đình và đền nằm trên một khu đất rộng, bằng phẳng, cảnh quan thiên nhiên rất đẹp, hướng về phía Đông nhìn ra bãi bên bờ sông Thao. Trong đình đền còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như sáu đạo sắc phong, khám thờ, kiệu, những bức cổn chạm khắc rồng phượng bằng gỗ có niên đại cuối thời Lê đầu thời Nguyễn... với kỹ thuật điêu khắc, chạm trổ, đục bong có chiều sâu, đường nét chau chuốt rất công phu. Các hình chạm khắc cũng rất phong phú gồm long, ly, quy, phụng, sen, rùa, hoa lá, mây cụm... Đình và đền Mạo Phổ đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia tháng 12/1992.

Mối quan hệ giữa đình đền Mạo Phổ và đình Hạ Mạo là mối quan hệ "*kết chạ*" (anh em) vô cùng khăng khít, có lịch sử hàng ngàn năm dựa trên cả huyết thống thần phả và nghĩa tình làng xóm.

Như trên đã nói, đình đền Mạo Phổ thờ Thánh Mẫu Duyên Hòa, là thứ phi của Vua Hùng. Bà là con gái làng Mạo Phổ xưa. Đây được coi là nơi phát tích, thờ phụng thân mẫu. Còn đình Hạ Mạo thờ các con của Thánh Mẫu là Tam vị Đại vương, trong đó có vị Vương tử được Vua Hùng ban họ Lê. Ông là người có công khai khẩn đất Hạ Mạo và lập nên dòng họ Lê tại đây.

Mối quan hệ giữa hai làng Mạo Phổ và Hạ Mạo không chỉ trên trang giấy mà được duy trì bằng bằng các quy ước cộng đồng. Hai làng gọi nhau là "*làng chạ*", người dân hai làng coi nhau như anh em ruột thịt, có việc lớn nhỏ đều thông báo và giúp đỡ lẫn nhau. Trong các nghi lễ, người dân Mạo Phổ luôn dành sự tôn trọng cho làng Hạ Mạo và ngược lại, thể hiện đạo lý "*uống nước nhớ nguồn*".

Dựa trên bản Thần tích tại Hạ Mạo và Ngọc phả tại Mạo Phổ, có thể khắc họa quá trình trưởng thành và sự nghiệp của nhân vật Lê Hùng Ánh như sau:

Thần tích miêu tả Chàng Ánh từ nhỏ đã bộc lộ những tố chất của một bậc vĩ nhân. Ông được ghi chép là có "*diện mạo lạ thường*", "*phi thường*", hình dung đẹp đẽ tựa thánh thần. Chàng Ánh sở hữu "*thiên tư dũng lược*", "*thông minh nhanh hiểu biết, vượt trội hơn người*", là một người văn võ toàn tài. Ngay từ khi còn là quan chàng (tên gọi các con vua khi phong tục còn chất phác), ông đã bộc lộ khả năng võ nghệ và tinh thần ham học.

Sự nghiệp của Lê Hùng Ánh gắn liền với những bước ngoặt quan trọng của quốc gia thời Hùng Vương. Khi Hùng Duệ Vương (Vua Hùng thứ 18) nối ngôi, ngài đã phong Chàng Ánh làm Vương tử và chính thức ban cho họ Lê. Đây là cột mốc đánh dấu sự hình thành vị Tổ họ Lê sớm nhất trong lịch sử Việt Nam.

Với cương vị võ tướng: ông là vị tướng tài ba có công lớn trong việc chỉ huy quân binh chống lại quân Thục xâm lược để bảo vệ bờ cõi. Theo thần tích, khi quân Thục kéo quân xâm lược nước Văn Lang, Hùng Ánh đóng vai trò chủ lực, trực tiếp cầm quân ra trận, có công lớn trong việc đánh chặn các mũi tấn công của quân Thục để bảo vệ kinh đô Phong Châu và phụ cận. Khi thế nước nhà Hùng suy yếu trước An Dương Vương, Chàng Ánh đã thể hiện chí khí kiên cường khi "*luyện binh tuyển tướng*", giữ gìn cương giới và không thần phục đối thủ. Hùng Ánh được thờ phụng ở Hạ Mạo không chỉ như một vị tổ dòng họ mà còn là một anh hùng kháng chiến đã tận trung phò tá nhà Hùng đến những phút cuối cùng trước sự trỗi dậy của An Dương Vương.

Đối với sự nghiệp dân sinh: Không chỉ là chiến tướng, Lê Hùng Ánh còn là người đặt nền móng cho đời sống cư dân vùng sông Thao như khai sáng trang Hạ Mạo, chiêu dân lập ấp, phục hóa đất hoang, dạy dân sản xuất... biến vùng đất ven sông Thao thành khu quần cư đông đúc.

Thần tích khắc họa Lê Hùng Ánh là hình mẫu nhân vật lịch sử - huyền thoại tiêu biểu: mang dòng máu hoàng gia, có tài thao lược quân sự nhưng đồng thời cũng là người có công đức lớn trong việc tạo dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân, xứng đáng với vị thế Thành hoàng làng được thờ phụng đời đời tại đình Hạ Mạo.

Khi đánh giá tính xác thực của thần tích về Lê Hùng Ánh và cụm di tích Mạo Phổ - Hạ Mạo, dưới góc độ nghiên cứu sử học và văn hóa, ta có thể thấy:

Tính xác thực về mặt "*Lịch sử hóa huyền thoại*": Thần tích không phải là lịch sử biên niên chính xác, nhưng nó chứa đựng cốt lõi sự thật lịch sử. Cốt lõi ở đây là sự phản ánh sự tồn tại cuối thời đại Hùng Vương, khi sự phân hóa dòng họ và quyền lực bắt đầu rõ nét. Về giá trị, việc ghi chép cụ thể về một vị vương tử được "ban họ" (Lê) cho thấy thời kỳ này đã có sự chuyển đổi từ xã hội thị tộc (theo họ mẹ) sang xã hội phụ hệ (theo họ cha) dưới sự quản lý của nhà nước sơ

khai.

Sự mâu thuẫn giữa "*Niên đại*" và "*Văn bản*": Có một sự lệch pha về thời gian cần lưu ý khi đánh giá. Đó là: niên đại câu chuyện diễn ra cách đây hơn 2.000 năm (thời Hùng Vương), niên đại văn bản gồm các bản thần tích, ngọc phả lưu giữ thường được sao chép hoặc biên soạn lại dưới thời Hậu Lê (thế kỷ XV - XVII) bởi các hàn lâm viện (như Nguyễn Bính). Do đó, ngôn ngữ và quan niệm "ban họ", "sắc phong" mang đậm dấu ấn tư tưởng phong kiến của thời Lê hơn thời Hùng Vương.

Tính xác thực thông qua "*Di sản hữu thể*": Dù câu chuyện có thể mang màu sắc huyền ảo, nhưng các bằng chứng sau đây có tính xác thực cao:

Thứ nhất, Hệ thống sắc phong: các đạo sắc phong từ thời Lê đến thời Nguyễn là vật chứng pháp lý thực tế. Nó cho thấy sự công nhận của các triều đại chính thống đối với nhân vật và địa điểm này.

Thứ hai, Tục kết chạ: Mối quan hệ "*anh em*" bề bỉ hàng nghìn năm giữa Mạo Phổ và Hạ Mạo là bằng chứng văn hóa sống động nhất. Nó chứng minh cho một nguồn gốc chung (huyết thống) đã được cộng đồng kiểm chứng và gìn giữ qua nhiều thế hệ.

Thứ ba, Địa danh: Các tên gọi "*trang*", "*ấp*", "mạo" trong thần tích khớp với khảo cổ học ven sông Hồng, cho thấy nhân vật có địa bàn hoạt động thực tế.

Kết luận về tính khoa học: Về mặt sử liệu, thần tích không thể dùng làm bằng chứng lịch sử tuyệt đối về niên đại hay sự kiện cụ thể. Về măt văn hóa, đây là nguồn sử liệu dân gian vô giá. Nó phản ánh niềm tin, lòng tự hào và cách người Việt cổ "*giải mã*" nguồn gốc của mình. Việc Chàng Ánh được ban họ Lê là cách dân gian khẳng định vị thế của họ Lê là dòng họ có công khai phá vùng đất này từ thuở sơ khai.

Việc Vua Hùng ban tộc tính họ Lê cho Chàng Ánh (Vương tử Hùng Ánh) không chỉ là câu chuyện dòng họ đơn thuần mà mang ý nghĩa lịch sử và văn hóa sâu sắc:

Khẳng định nguồn gốc "*Hoàng tộc*" của họ Lê: Đây là minh chứng cho thấy họ Lê ở vùng đất Mạo Phổ - Hạ Mạo có nguồn gốc từ dòng dõi trực hệ của Đức Quốc Tổ Hùng Vương.

Việc ban họ (tộc tính) là một ân sủng đặc biệt của quân vương, biến một vị vương tử mang họ chung của bộ tộc thành người khởi đầu cho một huyết thống riêng biệt nhưng vẫn nằm trong lòng hoàng gia.

Nó xác lập vị thế của họ Lê là một trong những dòng họ lâu đời nhất Việt Nam, gắn liền với bình minh của dân tộc.

Ý nghĩa về quản lý xã hội và cương vực: Việc ban họ gắn liền với việc ban đất lập ấp.

Vua Hùng ban họ Lê cho Chàng Ánh đồng thời giao nhiệm vụ cho ông về vùng đất Hạ Mạo để khai hoang, lập trang ấp. Điều này thể hiện mô hình quản lý đất nước thời sơ khai: Vua tin tưởng giao phó những vùng đất trọng yếu cho người thân tộc cai quản, biến các "*vương tử*" thành các "*thành hoàng*" - những người vừa có công bảo vệ biên thùy, vừa có công dạy dân trồng lúa, dệt vải.

Biểu hiện của sự gắn kết "*Máu mủ - Đồng bào*": Mối quan hệ giữa Chàng Ánh (họ Lê) và Vua Hùng là biểu tượng cho sự chuyển giao và tiếp nối.

Nó kết nối giữa quyền lực trung tâm (Vua Hùng tại Phong Châu) với các địa phương (trang ấp Hạ Mạo)

Sự kiện này tạo nên nét văn hóa đặc trưng "*kết chạ*" giữa làng Mạo Phổ (quê ngoại - nơi thờ mẹ) và làng Hạ Mạo (nơi lập nghiệp - thờ con). Đây là sợi dây tâm linh giữ cho cộng đồng luôn đoàn kết suốt hàng nghìn năm qua.

Như vậy, việc ban họ Lê là sự xác tin về lòng trung thành và công lao của người con đối với vua cha, đồng thời là cột mốc hình thành nên một cộng đồng dân cư có tổ chức, có cội nguồn rõ ràng tại vùng đất Phú Thọ.

Trên vùng đất Tổ, còn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa quan trọng gắn liền với tín ngưỡng thờ tự các vị thần có công với dân, với nước, đặc biệt là các vị thần mang họ Lê hoặc có liên quan đến các tướng lĩnh thời Hùng Vương và Hai Bà Trưng.

Khi nghiên cứu về cụm di tích đình và đền Mạo Phổ, đình Hạ Mạo và nhân vật Quan Chàng Lê Hùng Ánh, có thể rút ra một số kết luận sau:

Đây là minh chứng sống động về thời đại Hùng Vương: Nghiên cứu này khẳng định thời đại Hùng Vương không chỉ là huyền thoại mà được cụ thể hóa qua hệ thống Ngọc phả, Thần tích và các địa danh có thật. Sự tồn tại của các di tích này là bằng chứng về sự hiện diện của một bộ máy quản lý nhà nước sơ khai, nơi các vương tử được cử đi cai quản và khai phá các vùng đất trọng yếu ven sông Hồng.

"***Cội nguồn***" của tộc tính họ Lê tại Việt Nam: Nhân vật Lê Chàng Ánh (Hùng Ánh) là một mắt xích lịch sử đặc biệt. Việc Vua Hùng ban họ Lê cho ông không

chỉ xác lập một dòng họ mà cho thấy họ Lê tại vùng đất này có nguồn gốc hoàng tộc. Đây là một trong những sự kiện ghi dấu việc hình thành họ tên người Việt sớm nhất trong lịch sử, gắn liền với công trạng "*phò vua giúp nước*" và "*khai sơn lập ấp*".

Di sản kiến trúc và tư liệu quý hiếm: Khu di tích Mạo Phổ và Hạ Mạo là "*bảo tàng*" lưu giữ: Kiến trúc Hậu Lê, với các mảng chạm khắc tinh xảo thế kỷ XVIII. Hệ thống văn bản cổ: với các đạo sắc phong và bản Ngọc phả quý giá là những di sản Hán - Nôm có giá trị pháp lý và lịch sử, minh chứng cho sự tôn vinh của các triều đại phong kiến suốt hàng nghìn năm đối với công đức của Thánh Mẫu và các vị Đại vương.

Giá trị nhân văn và sự gắn kết cộng đồng: Mối quan hệ giữa hai ngôi đình/ đền là biểu tượng của đạo lý "***Uống nước nhớ nguồn***" và tình đoàn kết dân tộc. Mô hình giữa hai làng trong thần tích đã tạo nên một cộng đồng bền vững, vượt qua các thay đổi về địa giới hành chính. Lễ hội rước kiệu giao chạ hàng năm là "*di sản văn hóa phi vật thể*" sống động, nhắc nhở con cháu về tình huyết thống và niềm tự hào dòng tộc.

Tóm lại, cụm di tích và nhân vật Lê Chàng Ánh là một phong hiệu văn hóa đặc sắc của Phú Thọ, đóng góp quan trọng vảo bản sắc văn hóa tâm linh của vùng đất Tổ, đồng thời là nguồn tư liệu quý cho việc nghiên cứu phả hệ và lịch sử dân tộc thời sơ sử.

Chú thích:

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, trang 60, 61.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Sách đã dẫn, tr. 21.

(3) Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Sách đã dẫn, tr.17.

(4) Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Sách đã dẫn, tr.60.

(5) Thích Tâm Hiệp, Nguyễn Đức Tố Lưu, Nguyễn Đức Tố Huân, Di sản văn hóa đình đền Mạo Phổ, Nxb Lao Động, Hà Nội - 2022, tr.147.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**